

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

Bản án số: 63/2025/DSST

Ngày: 05 – 6 – 2025.

“ V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản ”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM, TỈNH VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Lanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Du.

2. Ông Huỳnh Văn Hồng.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Tấn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tham gia phiên tòa bà
Nguyễn Huỳnh Lê Uyên – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét
xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 18/2025/TLST- DS ngày 13 tháng 01 năm
2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét
xử số: 135/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Ông **Trần Văn M**, sinh năm: 1970.

2. Bà **Phan Thị Bé T**, sinh năm: 1972.

Cùng địa chỉ: ấp R, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn M, bà Phan Thị Bé T là:

1. Anh **Võ Văn N**, sinh năm: 1995

Địa chỉ: Số C, đường L, phường L, quận C, Tp Cần Thơ.

2. Anh **Huỳnh Ngọc T1**, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Số C, đường L, phường L, quận C, Tp Cần Thơ.

3. Chị **Trần Tuyết M1**, sinh năm: 2002 (Có mặt).

Địa chỉ: Số C, đường L, phường L, quận C, Tp Cần Thơ.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 27/6/2024).

Bị đơn: Chị **Trần Thị Hồng C**, sinh năm: 1989 (vắng có đơn).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà **Nguyễn Thị Út E** - sinh năm: 1973 (vắng có đơn)

Cùng địa chỉ: ấp R, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 16/9/2024 và các lời trình bày khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn ông Trần Văn M và bà Phan Thị Bé T do chị Trần Tuyết M1 làm đại diện trình bày:*

- Nguyên trước đây, vào tháng 05/2022 vợ chồng ông M, bà T có cho bà Nguyễn Thị Út E, sinh năm 1973, địa chỉ: ấp R, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long vay số tiền là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) với lãi suất là 2,67%/tháng, thời hạn vay là 01 (một) năm. Theo đó, con gái của bà Nguyễn Thị Út E là chị Trần Thị Hồng C, sinh năm 1989, cùng địa chỉ tại ấp R, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long là người đã nhận khoản tiền vay. Tuy nhiên, do cả hai bên đều là chị em thân thiết và tin tưởng nên việc vay mượn chỉ được thỏa thuận qua lời nói. Thời gian đầu, bà Út E và chị C đóng lãi cho ông M, bà T rất đúng hẹn qua cả hai hình thức bao gồm đóng bằng tiền mặt và chuyển khoản. Tổng cộng được 23.600.000đ. Tuy nhiên, từ tháng 08/2023 cho tới nay bà Út E và chị C không còn đóng lãi cho ông M. Ông bà đã rất nhiều lần qua nhà liên hệ để trao đổi, thỏa thuận về việc trả nợ thì bà Út E và chị C luôn có tình trốn tránh, không những không thực hiện nghĩa vụ trả nợ mà còn dùng lời lẽ không hay đối với ông M, bà T.

- Nay ông M, bà T yêu cầu:

+ Buộc bà Nguyễn Thị Út E và chị Trần Thị Hồng C có trách nhiệm liên đới trả cho ông M, bà T số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

+ Buộc bà Nguyễn Thị Út E và chị Trần Thị Hồng C có trách nhiệm liên đới trả lãi trên số tiền nợ gốc từ ngày 01/8/2023 đến ngày 01/8/2024 với số tiền là 30.060.000 đồng (150.000.000 đồng x 12 tháng x 1.67%/tháng). Đồng thời tiếp tục trả lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc từ ngày 01/8/2024 đến ngày 05/6/2025 với mức lãi suất là 1.67%/tháng.

** Tại bảng khai ý kiến ngày 14/5/2025 và lời trình bày tại biên bản lấy lời khai cùng ngày bị đơn bà Nguyễn Thị Út E trình bày: Đối với yêu cầu khởi kiện của ông M, bà T bà không đồng ý. Từ trước đến nay bà không có vay hay mượn bất cứ khoản tiền nào của ông M, bà T. Nếu ông M, bà T cho rằng bà có vay tiền thì yêu cầu ông M, bà T cung cấp biên nhận, giấy tờ chứng minh bà có vay tiền. Đối với số tiền 150.000.000đ chị C có vay của ông M, bà T hay không thì bà không biết.*

** Tại bảng khai ý kiến ngày 14/5/2025 và lời trình bày tại biên bản ghi lời khai cùng ngày người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Trần Thị Hồng C trình bày:*

Chị bắt đầu vay tiền của ông M là từ năm 2020 lãi suất thỏa thuận là 2,67%/tháng mỗi tháng chị đóng 4.000.000đ, chị đóng đến tháng 5 năm 2022 thì ông M có kêu chị chốt lại số tiền vay và ghi tờ giấy nợ nội dung “ông M gửi chị N1 cho vay dùm số tiền 150.000.000đ, tiền lãi đóng mỗi tháng”. Do lúc đó chị đang rất cần tiền nên ông M kêu ghi như thế nào chị ghi theo để được vay chứ hoàn toàn mẹ chị là bà Út E không hay biết gì. Sau khi chốt nợ chị tiếp tục đóng lãi đến tháng 8 năm 2023 thì ngưng. Việc chị đóng lãi không có chứng cứ do chị thường đến nhà đóng lãi trực tiếp cho ông M chỉ có vài lần chuyển khoản. Chị khẳng định bà Út E không biết việc vay mượn trên vì khi đi vay chị trực tiếp đến nhà ông M vay. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của ông M thì chị thống nhất trả cho ông M số tiền vốn vay là 150.000.000đ, do hoàn cảnh chị khó khăn chị xin không trả lãi.

** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa;*

- Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán; Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không vi phạm.

- Về nội dung vụ án:

+ Đề nghị: áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 26, Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn M, bà Phan Thị Bé T.

Buộc chị Trần Thị Hồng C có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn M, bà Phan Thị Bé T số tiền vay vốn và lãi là 204.780.000đ.

Đình chỉ yêu cầu của ông Trần Văn M, bà Phan Thị Bé T về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Út E trả số tiền vay và lãi.

- Về án phí: Buộc chị Trần Thị Hồng C chịu án phí 10.239.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông M, bà T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa ông M, bà T và chị C. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

- Bị đơn chị C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227; 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án: Ông M, bà T trình bày vào khoảng tháng 5 năm 2022 ông M, bà T có cho bà Út E, chị Hồng C vay số tiền 150.000.000đ lãi suất thỏa thuận là 2,67%/tháng, do chỗ bà con nên không có làm biên nhận, người trực tiếp nhận tiền là chị Hồng C. Sau khi nhận tiền chị C có đóng lãi được 27.600.000đ thì ngưng. Nay ông M, bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu chị C phải có nghĩa vụ trả cho ông M và bà T số tiền vay vốn là 150.000.000đ và tiền lãi từ ngày 01/8/2023 đến ngày 05/6/2025.

- Hội đồng xét xử nhận thấy: Xét yêu cầu của ông M và bà Bé T là có căn cứ để chấp nhận bởi chị C thừa nhận là có vay của ông M và bà T số tiền 150.000.000đ, chị C cũng đồng ý trả cho ông M và bà Bé T.

- Đối với mức lãi suất là 2,67%/tháng ông M, bà T, chị C đều thống nhất. Phía ông M, bà T xác định chị C đã đóng được số tiền lãi là 27.600.000đ; chị C cho rằng đã đóng lãi cho ông M, bà T hàng tháng từ khi vay đến tháng 8/2023 thì ngưng nhưng chị không nhớ rõ số tiền đã đóng, không có chứng cứ chứng minh và không có yêu cầu tính lại lãi suất. Do đó, xác định chị C đã đóng tiền lãi cho ông M, bà T từ tháng 5/2022 đến tháng 8/2023 là 27.600.000 đồng, số tiền đã đóng lãi thấp hơn mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 BLTTDS nên không xem xét.

- Đối với yêu cầu tính lãi từ ngày 01/8/2023 đến ngày 01/6/2025 là 22 tháng với mức lãi suất 1,66%/ tháng. Xét thấy, ông M, bà T yêu cầu tính lãi suất là 1,66%/ tháng là hợp lý. Chị Hồng C xin được trả vốn số tiền 150.000.000đ không trả lãi, yêu cầu này của chị C không được ông M, bà T đồng ý nên không có cơ sở ghi nhận. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bên cho vay thì việc áp dụng lãi suất theo mức lãi suất quy định là 1,66%/ tháng từ khi chị C ngưng đóng lãi đến nay là phù hợp theo quy định. Vì vậy chấp nhận yêu cầu tính lãi của ông M, bà T; buộc chị C

có nghĩa vụ trả cho ông M, bà T số tiền lãi từ ngày 01/8/2023 đến ngày 01/6/2025 là 22 tháng: 150.000.000 đồng x 22 tháng x 1,66%/tháng thành tiền là 54.780.000đ

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông M và bà Bé T về việc yêu cầu bà Út E trả cho bà B T và ông M số tiền 150.000.00đ.

[3] Từ những nhận định nêu trên có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông M, bà T buộc chị Hồng C có trách nhiệm trả cho ông M, bà T số tiền vốn vay là 150.000.000đ và tiền lãi 54.780.000đ. Tổng cộng 204.780.000đ.

[4] Án phí sơ thẩm: Buộc chị Hồng C phải nộp 5% x 204.780.000đ = 10.239.000đ

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 26, Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn M và bà Phan Thị Bé T.

Buộc chị Trần Thị Hồng C có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn M và bà Phan Thị Bé T số tiền vốn vay là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi là 54.780.000đ (Năm mươi bốn triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng). Tổng cộng vốn và lãi là 204.780.000đ (Hai trăm lẻ bốn triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng).

- Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành án xong, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông M và bà Bé T về việc yêu cầu bà Út E trả cho bà B T và ông M số tiền 150.000.00đ (Một trăm năm mươi triệu đồng).

- Án phí sơ thẩm:

+ Buộc chị Trần Thị Hồng C phải nộp số tiền 10.239.000đ (Mười triệu hai trăm ba mươi chín nghìn đồng).

+ Ông Trần Văn M và bà Phan Thị Bé T không phải nộp án phí. Hoàn trả lại cho ông Trần Văn M và bà Phan Thị Bé T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.502.000đ (Bốn triệu năm trăm lẻ hai nghìn đồng) theo biên lai thu số N⁰ 0009777 ngày 13/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Lanh